TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Trịnh Thúy Cơ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên toà**:* Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát Viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị U, sinh năm: 1976. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp A4, xã P, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân B - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Xuân B Địa chỉ: Số 255, đường N, khu phố 4, thị trấn D, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm: 1950. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, ấp A4, xã P, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-5-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày: Chị và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc.

Vợ chồng không ly thân vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau.

Về hôn nhân: Chị U xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu xin ly hôn với anh Bòn.

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Thừa nhận lời trình bày của chị U về thời gian chung sống là đúng, về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị U đi chơi với bạn bè, vợ chồng không hợp tính tình, sống không hạnh phúc.

Nay chị U yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý vì vợ chồng sống không còn tình cảm.

Do chị U và anh B chung sống với nhau từ năm 1997 không đăng ký kết hôn đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân cho anh chị theo đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Hai anh chị có 02 (hai) con tên Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn H, sinh ngày: 09-8-2000.

Hiện nay, con tên H đã thành niên, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con tên H đang bệnh khuyết tật bẩm sinh (không nói chuyện và cũng không ngồi được) mỗi tháng được hưởng trợ cấp xã hội là 500.000 đồng/tháng. Hai anh chị thống nhất chị U tiếp tục nuôi dưỡng con tên H, chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ông Lê Xuân B đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị U và anh Trần Văn B.

Về con chung: Hai anh chị có 02 (hai) con tên Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn H, sinh năm: 2000. Hiện nay, con tên H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con tên H, giao chị U tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận: Chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị U và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao chị U tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Văn H, sinh ngày: 09-8-2000.

Ghi nhận: Chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với anh Trần Văn B theo đúng quy định pháp luật nhưng anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bòn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị U anh B, xác định chị U và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định: " ... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Khoản này thì không có giá trị pháp lý" và tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định "…..Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Đối chiếu theo quy định của pháp luật chị Út và anh B chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai anh chị có 02 (hai) con tên Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn H, sinh ngày: 09-8-2000. Hiện nay, con tên H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con tên H, hiện đang bệnh khuyết tật bẩm sinh, quá trình giải quyết hai anh chị thống nhất chị U tiếp tục nuôi con, chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tại tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã giải thích việc cấp dưỡng nuôi con tên H là quyền lợi của con nhưng chị U vẫn không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị U phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị U và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao chị U tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Văn H, sinh ngày: 09-8-2000.

Ghi nhận: Chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị U phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu số 0010611 ngày 01-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị U đã nộp đủ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị U có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.DMC;
- CCTHA H.DMC;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Hiền